

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1463* /TNMT-TNKS

Bắc Giang, ngày *25* tháng 7 năm 2016

V/v Xin ý kiến góp ý dự thảo Sửa đổi, bổ sung
Quy định quản lý, khai thác, vận chuyển đất đắp
nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh
(Lần 2)

Kính gửi:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Tư pháp, Văn hóa, thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Cục thuế tỉnh, Bộ CHQS tỉnh, Công An tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010.

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp.

Căn cứ Quyết định số 386/2012/QĐ-UBND ngày 07/11/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định một số nội dung về quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; văn bản số 1785/UBND-TN ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh về việc tăng cường, xử lý tình trạng khai thác, vận chuyển đất trái phép và sửa đổi, bổ sung Quy định quản lý, khai thác, vận chuyển đất đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; trong đó giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định quản lý, khai thác, vận chuyển đất đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cho phù hợp với Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tiếp thu ý kiến của các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố (lần 1); Sở Tài nguyên và Môi trường đã chỉnh sửa bản dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy định quản lý, khai thác, vận chuyển đất đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 265/2014/QĐ-UB ngày 19/5/2014 đến nay cơ bản hoàn thiện;

Để dự thảo sửa đổi, bổ sung trên được hoàn thiện hơn trước khi trình UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ tháng 8/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị Quý cơ quan cho ý kiến góp ý bằng văn bản đối với bố cục và nội dung bản dự thảo Quyết định (gửi kèm theo), gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước **ngày 29/7/2016**.

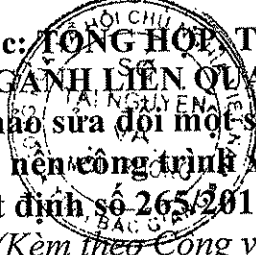
Nơi nhận: *chy*

- Như trên;
- Lưu: VT, TNKS.

Bản điện tử:

- LĐ Sở (GD, PGD-PT);
- VPS, TNKS.




**Phụ lục: TỈNH HỘI TIẾP THU Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC SỞ,
 NGÀNH LIÊN QUAN VÀ UBND CÁC HUYỆN THÀNH PHỐ
 cho dự thảo sửa đổi một số điều Quy định quản lý, khai thác, vận chuyển
 đất đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo
 Quyết định số 265/2014/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của UBND tỉnh
 (Kèm theo Công văn số 443/UBND ngày 26/7/2016 của Sở TN&MT)**

TT	Ý kiến tham gia	Góp ý tiếp thu
1	<p>Sở Tư pháp (tại Công văn số 617/STP-XD&KTrVB ngày 13/7/2016)</p> <p>1. Điều 1: + Khoản 2 sửa đổi, bổ sung tên Điều 6 như nội dung dự thảo theo hướng bổ sung cụm từ “Quyết định” vào trước cụm từ “văn bản chấp thuận” là không cần thiết vì Quyết định cũng chỉ là một hình thức văn bản cụ thể của loại văn bản chấp thuận; mặt khác, việc sửa đổi, bổ sung như vậy cũng không đảm bảo tính bao quát của tên điều. Do đó, đề nghị nghiên cứu thêm việc sửa đổi, bổ sung này.</p> <p>+ Khoản 3: sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 theo hướng quy định Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định, văn bản chấp thuận; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 theo hướng quy định Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản chấp thuận là chưa thống nhất. Đề nghị nghiên cứu thêm việc sửa đổi, bổ sung này như đã nêu tại ý tham gia về Điều 1 và để bảo đảm tính thống nhất của quy phạm.</p> <p>+ Khoản 2 và khoản 3 nêu trên cùng sửa đổi, bổ sung Điều 6 nhưng lại được quy định ở 02 khoản khác nhau là chưa hợp lý. Đề nghị quy định trong một khoản với tên khoản là “Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:”.</p> <p>+ Khoản 4 quy định “Sửa đổi, bổ sung Điều 7”, khoản 6 quy định “Bổ sung Điều 7b” là không chính xác vì thực chất nội dung khoản 4 là quy định về bổ sung nội dung mới so với Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 265/2014/QĐ-UBND; nội dung khoản 6 là sửa đổi bổ sung Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 265/2014/QĐ-UBND.</p> <p>+ Đồng thời, nội dung sửa đổi, bổ sung được quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 thuộc Điều chủ yếu quy định về thủ tục hành chính (thủ tục chấp thuận cho thăm dò đất đắp nền công trình xây dựng, thủ tục phê duyệt trữ lượng đất đắp nền công trình xây dựng, thủ tục chấp thuận cho khai thác đất đắp nền công trình xây dựng) là không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật</p>	1. Tiếp thu, chỉnh sửa

Ban hành văn bản QPPL năm 2015, theo đó, việc quy định thủ tục hành chính trong quyết định của UBND tỉnh là một trong các hành vi bị nghiêm cấm, trừ trường hợp được luật giao.

Mặt khác, cơ bản các quy định về thủ tục hành chính này là sao chép nội dung của Luật Khoáng sản năm 2010 và Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản (khoản 1 Điều 7b sao chép khoản 1 Điều 59 Luật Khoáng sản; khoản 2 điều 7a sao chép Điều 30; khoản 3, 4.2, 4.3 Điều 7a sao chép khoản 1, 2, 3 Điều 40, khoản 2 Điều 7b sao chép khoản 1 Điều 37 Nghị định 15/2012/NĐ-CP) là chưa phù hợp với khoản 2 Điều 8 và khoản 1 Điều 11 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, theo đó, “văn bản QPPL phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản QPPL khác” và “văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định những nội dung được giao và không quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết”.

Căn cứ các quy định nêu trên, đề nghị Sở Tài nguyên và môi trường nghiên cứu chỉnh sửa cho phù hợp, có thể quy định theo hướng viện dẫn đến các quy định của Luật Khoáng sản và Nghị định số 15/2012/NĐ-CP nếu cần thiết.

+ Khoản 7: Đề nghị viện dẫn cụ thể sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản nào của Điều 10 để đảm bảo tính chính xác, cụ thể của quy định.

+ Khoản 8 quy định sửa đổi, bổ sung “Mục a khoản 1 Điều 10” với nội dung như dự thảo là không chính xác vì khoản 1 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 265/2014/QĐ-UBND quy định về trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường không có trách nhiệm thực hiện nội dung như dự thảo. Đối với quy định này, đề nghị quy định chính xác là “Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 11”.

Điều 2: + Khoản 1 quy định “Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký” là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 74 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL; theo đó, “Hiệu lực thi hành của văn bản phải được xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản”. Do vậy, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh sửa nội dung

2. Tiếp thu, chỉnh sửa

	<p>này, đồng thời đảm bảo ngày có hiệu lực của văn bản ít nhất sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.</p> <p>+ Khoản 2: Việc quy định như nội dung của khoản là không cần thiết vì các quy định của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 265/2014/QĐ-UBND không được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại Quyết định này thì đương nhiên vẫn còn hiệu lực thi hành.</p> <p>- Phần nơi nhận: Đề nghị sửa thành phần nhận là “Cục Kiểm tra văn bản” thành “Cục Kiểm tra văn bản QPPL” để đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p>	
2	<p>Sở Giao thông vận tải (tại Công văn số 1817/SGTVT-QLKCHTGT ngày 15/7/2016)</p> <p>1. Tại mục c, khoản 1, Điều 7b. Thủ tục chấp thuận cho khai thác đất đắp nền công trình xây dựng đề nghị bổ sung: “Tuyến đường vận chuyên, loại phương tiện vận chuyên, tải trọng phương tiện được phép vận chuyên”.</p>	1. Tiếp thu chỉnh sửa.
3	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Công văn số 1007/SKHĐT-KTN ngày 15/7/2016).</p> <p>1. Đề nghị bố cục lại đúng theo mẫu số 37 phần phụ lục kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, cụ thể: về tên của Quyết định; vị trí các điều quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành...</p> <p>2. Đề nghị không ghi tiêu đề Điều 7a, Điều 7b trong nội dung sửa đổi, bổ sung điều 7 của dự thảo, nên ghi bằng các khoản, điểm, tiết cho phù hợp kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>3. Tại Điều 3 dự thảo Quyết định: đề nghị bỏ câu” Sở Tài nguyên và Môi trường” cho phù hợp vì đã được quy định bên trong điều 3.</p>	<p>1. Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>2. Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>3. Tiếp thu, chỉnh sửa</p>
4	<p>Sở Nông nghiệp&PTNT (tại Công văn số 786/SNN-TL ngày 13/7/2016): Nhất trí bản dự thảo.</p>	
5	<p>Sở Xây dựng (Công văn số 1257/SXD-QLXD ngày 15/7/2016)</p> <p>1. Tại khoản 2, khoản 3 Điều 1: Nên gộp khoản 2, khoản 3 vào một nội dung (sửa đổi điều 6). Cần nghiên cứu lại tên tiêu đề điều 6 cho phù hợp với các nội dung quy định.</p> <p>2. Tại khoản 2 điều 6: Đề nghị xem lại nội dung này vì các quy định tại Quyết định số 265/2014/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của UBND tỉnh và dự thảo sửa đổi không quy định thủ tục chấp thuận đề án thăm dò, san</p>	<p>1. Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>2. Tiếp thu, chỉnh sửa</p>

	<p>gạt mặt bằng, hạ cốt nền.</p> <p>3. Tại khoản 4 điều 1 (sửa đổi, bổ sung điều 7):</p> <ul style="list-style-type: none"> - khoản 1 điều 7a: nên bỏ khoản này và quy định bổ sung lồng ghép vào mục 4.2 khoản 3 (trình tự thực hiện thủ tục phê duyệt trữ lượng đất đắp nền). - Khoản 2 điều 7a (Hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản): đề nghị bổ sung thêm văn bản chấp thuận thăm dò khoáng sản của cấp có thẩm quyền (theo quy định tại Điều 30 Nghị định 15/2012/NĐ-CP). 	3. Tiếp thu, chỉnh sửa
6	Bộ CHQS tỉnh (Công văn số 787/BCH-TaH ngày 18/7/2016): Nhất trí với bản dự thảo.	
7	Huyện Sơn Động (tại Công văn số 544/UBND-TNMT ngày 20/7/2016): Nhất trí bản dự thảo	
8	<p>Huyện Lục Ngạn (tại Công văn số 254/UBND-TNMT ngày 07/7/2016)</p> <p>1. Phần căn cứ bổ sung thêm: Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2016 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch BVMT.</p> <p>2. Tại khoản 1, Điều 1 (điểm b, khoản 6 Điều 10) của Dự thảo Quyết định đề nghị thay cụm từ: Cam kết bảo vệ môi trường bằng cụm từ Kế hoạch bảo vệ môi trường vì theo quy định của Luật BVMT năm 2014.</p> <p>3. Tại điểm 2 khoản 3 Điều 1 của dự thảo nêu: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản chấp thuận Đề án thăm dò, san gạt mặt bằng, hạ cốt nền đối với hộ gia đình, cá nhân với khối lượng đất dư thừa vận chuyển đi nhỏ hơn 3000 m³". Đề nghị xem xét lại sao cho phù hợp với Khoản 1 điều 8 của quy định. vì tại Khoản 1 điều 8 quy định thành phần hồ sơ xin san gạt mặt bằng, hạ cốt nền của hộ gia đình, cá nhân không có Đề án thăm dò.</p> <p>4. Đề nghị Sở TN&MT tham mưu UBND tỉnh sửa đổi bổ sung điểm c, khoản 6, Điều 10: đề nghị quy định rõ thời hạn xem xét hồ sơ, cho ý kiến bằng văn bản đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân của cấp huyện (5-10 ngày); đồng thời quy định mẫu văn bản cho ý kiến.</p>	<p>1. Tiếp thu chỉnh sửa.</p> <p>2. Tiếp thu chỉnh sửa.</p> <p>3. Tiếp thu chỉnh sửa.</p> <p>4. Không tiếp thu, chỉnh sửa bởi vì điểm c, khoản 6, Điều 10 thuộc trách nhiệm của Sở TN&MT.</p>
9	<p>UBND huyện Lục Nam (tại Công văn số 944/UBND-TNMT ngày 15/7/2016)</p> <p>1. Tại khoản 3, điều 1, Bản dự thảo Quyết định: Bổ sung nội dung điều 6: "UBND cấp huyện ban hành văn bản chấp thuận cho phép các hộ gia đình, cá nhân san gạt mặt bằng, hạ cốt nền trên diện tích đất đã được cấp</p>	1. Không tiếp thu vì Quy định thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh không ủy quyền.

	giấy chứng nhận quyền sử dụng với khối lượng đất dư thừa vận chuyển đi dưới 1.000m ³ ". Nếu UBND tỉnh chấp thuận bổ sung nội dung này thì đồng thời sửa đổi, bổ sung khoản 2, điều 8, Quyết định 265/2014/QĐ-UBND về "Thủ tục chấp thuận cho san gạt mặt bằng, hạ cốt nền"; sửa đổi, bổ sung khoản 6, điều 10, quyết định 265/QĐ-UBND về "Trách nhiệm của các ngành, các cấp trong quản lý, khai thác, vận chuyển đất đắp nền công trình, trong san gạt mặt bằng, hạ cốt nền".	
10	<p>UBND huyện Việt Yên (tại Công văn số 935/UBND-TNMT ngày 18/7/2016)</p> <p>1. Tại điểm d, khoản 1, Điều 7: Chính sửa d, Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với trường hợp công suất khai thác từ 100.000 m³ vật liệu nguyên khai/năm trở lên hoặc giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các trường hợp còn lại của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (bản sao có chứng thực).</p> <p>2. Tại khoản 1, Điều 8: Bổ sung e, Bản kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận theo quy định.</p> <p>3. Tại điểm b, khoản 6, Điều 10: Chính sửa và bổ sung b, Xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền; có trách nhiệm giải quyết các thủ tục liên quan về đất đai, cơ sở hạ tầng và các điều kiện liên quan khác để tổ chức thực hiện khai thác; ký hợp đồng thuê đất với hộ gia đình, cá nhân đã được phép khai thác đất đắp nền;</p> <p>c, Xem xét cho ý kiến bằng văn bản đối với trường hợp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu san gạt mặt bằng, hạ cốt nền và khai thác đất đắp nền công trình;</p> <p>4. Tại điểm d, khoản 1, Điều 11: Bổ sung d, Nộp tiền cấp quyền khai thác đất, thực hiện nghĩa vụ tài chính khác theo quy định; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang trước khi nhận văn bản chấp thuận cho khai thác.</p>	<p>1. Tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo</p> <p>2. Không tiếp thu, chỉnh sửa: vì đối với hộ gia đình, cá nhân vận chuyển đất với khối lượng nhỏ, thời gian ngắn; đồng thời giảm thủ tục hành chính, giấy tờ.</p> <p>3. Tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo</p> <p>4. Tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo</p>
11	Huyện Yên Thế (tại Công văn số 802/UBND-TNMT ngày 15/7/2016): Nhất trí bản dự thảo.	
12	<p>Huyện Hiệp Hòa (tại Công văn số 2141/UBND-TNMT ngày 14/7/2016)</p> <p>1. Đề nghị bổ sung phần căn cứ pháp lý như sau:</p>	1. Tiếp thu, chỉnh sửa

	<p>Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch BVMT.</p> <p>2. Sửa đổi nội dung khoản 1, Điều 1 như sau: “4. Việc khai thác đất đắp nền công trình xây dựng chỉ được tiến hành sau khi hoàn thành: việc giải phóng mặt bằng; Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận; ký quỹ bảo vệ môi trường; nộp tiền cấp quyền khai thác đất theo quy định.</p> <p>3. Bổ sung khoản 7 Điều 1 như sau: “7. Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 1, Điều 10 như sau:”</p> <p>4. Sửa đổi khoản 8, Điều 1 như sau: “8. Điểm a, khoản 1 Điều 10 sửa đổi, bổ sung như sau:”</p> <p>5. Bổ sung khoản 9, Điều 1 như sau: “e. Hợp đồng kinh tế san gạt mặt bằng và vận chuyển đất dư thừa với tổ chức, cá nhân có liên quan”.</p> <p>6. Bổ sung điểm đ, khoản 1, Điều 8 Quyết định 265/2014/QĐ-UBND như sau: “đ. Văn bản cho ý kiến của Chủ tịch UBND huyện, thành phố đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận san gạt mặt bằng, hạ cốt nền của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.”</p>	<p>2. Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>3. Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>4. Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>5. Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>6. Tiếp thu, chỉnh sửa</p>
<p>13</p>	<p>Huyện Tân Yên (tại Công văn số 1349/UBND-TNMT ngày 12/7/2016)</p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1,2 Điều 6, Quyết định số 265/2014/QĐ-UBND quy định thẩm quyền chấp thuận san gạt, hạ cốt nền như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận bằng văn bản cho khai thác đất đắp nền các công trình xây dựng đối với các tổ chức là chủ đầu tư, nhà thầu thi công các dự án, công trình cần khai thác đất để đắp nền công trình. - Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận bằng văn bản cho phép tổ chức khai thác đất đắp nền công trình xây dựng, hộ gia đình, cá nhân san gạt, hạ cốt nền, vận chuyển đất với khối lượng đất lớn hơn 3000 m³ và dưới 10.000 m³. - Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND huyện chấp thuận bằng văn bản cho phép hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại địa bàn được san gạt, hạ cốt nền, vận chuyển đất với khối lượng dưới 3000 m³. 	<p>1. Không tiếp thu vì Quy định thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh không ủy quyền.</p> <p>2. Tiếp thu, chỉnh sửa.</p>

	<p>2. Cần quy định rõ loại đất cụ thể để được cấp phép san gạt, hạ cốt nền; phương án xử lý đất sau khi san gạt, để đảm bảo thuận lợi cho dân làm nhưng tránh được việc lợi dụng khai thác đất làm hư hỏng đường và ảnh hưởng tới đời sống của nhân dân.</p>	
14	<p>Huyện Lạng Giang (tại Công văn số 702/UBND-TNMT ngày 15/7/2016)</p> <p>1. Tại điểm d, khoản 1 Điều 7 chỉnh sửa: Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với trường hợp công suất khai thác từ 100.000 m³ vật liệu nguyên khai/năm trở lên hoặc giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các trường hợp còn lại của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (bản sao có chứng thực).</p> <p>2. Tại khoản 1 Điều 8, bổ sung:</p> <p>e. Bản kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận theo quy định.</p> <p>3. Tại điểm b, khoản 6, Điều 10: chỉnh sửa, bổ sung: b. <i>Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường</i> đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền; có trách nhiệm giải quyết các thủ tục liên quan về đất đai, cơ sở hạ tầng và các điều kiện liên quan khác để tổ chức thực hiện khai thác; ký hợp đồng thuê đất với hộ gia đình, cá nhân đã được phép khai thác đất đắp nền;</p> <p>c. Xem xét cho ý kiến <i>bằng văn bản</i> đối với trường hợp cho hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu san gạt mặt bằng, hạ cốt nền và <i>khai thác đất đắp nền công trình xây dựng</i>;</p> <p>4. Tại điểm d, khoản 1, Điều 11: Bổ sung: d) Nộp tiền cấp quyền khai thác đất, thực hiện nghĩa vụ tài chính khác theo quy định; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang <i>trước khi nhận văn bản chấp thuận cho khai thác</i>;</p>	<p>Nội dung góp ý của UBND huyện Lạng Giang trùng với nội dung góp ý của UBND huyện Việt Yên và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của UBND huyện Việt Yên ở trên.</p>
15	<p>Huyện Yên Dũng (tại Công văn số 674/UBND-TNMT ngày 19/7/2016): Nhất trí với bản dự thảo sửa đổi</p>	
16	<p>Thành phố Bắc Giang (tại Công văn số 242/UBND-TNMT ngày 14/7/2016): Nhất trí nội dung của dự thảo.</p>	

Số: /2016/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2016

(Dự thảo)

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Quản lý, khai thác, vận chuyển đất đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 265/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch Bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-TNMT ngày tháng 8 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Quản lý, khai thác, vận chuyển đất đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 265/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. Việc khai thác đất đắp nền công trình xây dựng chỉ được tiến hành sau khi hoàn thành: công tác giải phóng mặt bằng; hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; nộp tiền cấp quyền khai thác đất theo quy định.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Thẩm quyền ban hành văn bản cho phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng, khai thác đất đắp nền công trình xây dựng, san gạt mặt bằng, hạ cốt nền; gia hạn, thu hồi văn bản cho phép thăm dò, khai thác đất đắp nền công trình xây dựng, san gạt mặt bằng, hạ cốt nền

1. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản cho phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng, khai thác đất đắp nền các công trình xây dựng, san gạt mặt bằng, hạ cốt nền, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản cho san gạt mặt bằng, hạ cốt nền đối với hộ gia đình, cá nhân với khối lượng đất dư thừa vận chuyển đi nhỏ hơn 3000 m³.

3. Cấp có thẩm quyền ban hành văn bản cho phép thăm dò, khai thác đất đắp nền công trình, san gạt mặt bằng, hạ cốt nền nào thì có quyền gia hạn, thu hồi văn bản đó.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Thủ tục hồ sơ chấp thuận cho thăm dò, phê duyệt trữ lượng, khai thác đất đắp nền công trình xây dựng

1. Thủ tục hồ sơ chấp thuận cho thăm dò đất đắp nền công trình xây dựng

a) Hồ sơ được lập theo quy định tại Điều 47 Luật Khoáng sản và Điều 29 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2012/NĐ-CP);

b) Trình tự thực hiện thủ tục cho phép thăm dò đất đắp nền công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 36 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

2. Thủ tục phê duyệt trữ lượng đất đắp nền công trình xây dựng

a) Hồ sơ được lập theo quy định tại Điều 50 Luật Khoáng sản và Điều 30 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP;

b) Trình tự thực hiện thẩm định phê duyệt trữ lượng đất theo quy định tại Điều 40 Nghị định 15/2012/NĐ-CP.

3. Thủ tục chấp thuận cho khai thác đất đắp nền công trình xây dựng

3.1. Hồ sơ chấp thuận khai thác đất đắp nền công trình xây dựng

a) Đơn đề nghị chấp thuận cho khai thác đất đắp nền công trình xây dựng theo mẫu 01- kèm theo Quy định này;

b) Bản đồ khu vực khai thác đất, thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo hệ tọa độ VN2000 tỷ lệ 1: 1.000 đối với diện tích nhỏ hơn 5,0 ha, tỷ lệ 1: 2.000 đối với diện tích trên 5,0 ha (bản chính);

c) Phương án khai thác đất đắp nền công trình xây dựng, trong đó nêu rõ: vị trí, địa điểm, diện tích, cao độ khu vực khai thác; dự án, công trình được cung cấp đất san lấp, tuyến đường vận chuyển, phương tiện vận chuyển; thời hạn và khối lượng khai thác đất đắp nền; cam kết bảo đảm an toàn các công trình hạ tầng kỹ thuật, an toàn lao động, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định (bao gồm: ký quỹ môi trường, tiền cấp quyền khai thác đất, các khoản thuế, phí theo quy định);

d) Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với trường hợp công suất khai thác từ 100.000 m³ vật liệu nguyên khai/năm trở lên hoặc giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các trường hợp còn lại của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (bản sao có chứng thực);

e) Quyết định phê duyệt trữ lượng đất đắp nền công trình xây dựng của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực).

3.2. Trình tự chấp thuận khai thác đất đắp nền công trình xây dựng

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác đất để đắp nền công trình lập 04 (bốn) bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này gửi Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra thực địa, xác định diện tích, tọa độ khu vực đề nghị chấp thuận cho khai thác đất đắp nền công trình xây dựng; tổ chức thẩm định phương án khai thác; xác định tiền cấp quyền khai thác đất, mức ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; tổng hợp các ý kiến của các cơ quan liên quan, hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh. Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ thì thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản chấp thuận khai thác đất đắp nền công trình xây dựng. Trường hợp không đủ điều kiện, trả lời bằng văn bản;

d) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.”

4. Bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 8 như sau:

“đ) Văn bản cho ý kiến của Chủ tịch UBND huyện, thành phố đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận san gạt mặt bằng, hạ cốt nền của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điểm b và c Khoản 1 Điều 10 như sau:

“b) Hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ thăm dò, hồ sơ phê duyệt trữ lượng, hồ sơ khai thác đất đắp nền công trình xây dựng, hồ sơ san gạt mặt bằng, hạ cốt nền của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, trình Chủ tịch UBND tỉnh hoặc ban hành văn bản chấp thuận cho hộ gia đình, cá nhân san gạt mặt bằng, hạ cốt nền theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 6 Quy định này;

c) Chủ trì xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp. Hướng dẫn việc giải phóng mặt bằng đối với tổ chức đã được chấp thuận cho khai thác đất đắp nền; thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ đất sau khi kết thúc khai thác theo quy định;”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 10 như sau:

“b) Xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền; có trách nhiệm giải quyết các thủ tục liên quan về đất đai, cơ sở hạ tầng và các điều kiện liên quan khác để tổ chức thực hiện khai thác;”

7. Sửa đổi, bổ sung Điểm a và d khoản 1 Điều 11 như sau:

“a) Hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, lập hồ sơ xin cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong trường hợp có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong hoạt động khai thác đất đắp nền;

d) Nộp tiền cấp quyền khai thác đất, thực hiện nghĩa vụ tài chính khác theo quy định; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang trước khi nhận văn bản chấp thuận cho khai thác;”

8. Sửa đổi, bổ sung mẫu số 2A và mẫu số 2B ban hành kèm theo Quyết định số 265/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2014 (Biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng 8 năm 2016.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ TN&MT (b/c);
- Cục Kiểm tra VB QPPL -Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT.Tỉnh uỷ, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các cơ quan thuộc Tỉnh uỷ, VP Tỉnh uỷ;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh, các đoàn thể ND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PTTH tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT, các CV, CNTT;
 - + Lưu: VT, MT, TH.

TM. UBND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Thanh Sơn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP SAN GẠT
MẶT BẰNG, HẠ CỐT NỀN**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;

Tên tổ chức/cá nhân ⁽¹⁾

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân (đối với trường hợp cá nhân)/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số (đối với trường hợp tổ chức); cấp ngày; nơi cấp:

Văn bản chấp thuận đầu tư thực hiện dự án xây dựng công trình (số..... ngày.... tháng.... năm... của về việc ⁽²⁾.....).

Đề nghị được phép san gạt mặt bằng, hạ cốt nền đối với ⁽²⁾..... tại khu vực thuộc xã..... huyện.....;

Diện tích khu vực xin san gạt mặt bằng, hạ cốt nền:.....ha, được giới hạn bởi các điểm góc:..... có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Cốt độ cao khu vực cần san gạt mặt bằng, hạ cốt nền:

Khối lượng đất dư thừa từ quá trình hạ cốt nền cần chuyển đi: m³.

Dự kiến khu vực vận chuyển phần đất dư thừa đến:.....

Mục đích sử dụng đất dư thừa:⁽³⁾

Thời hạn xin san gạt mặt bằng, hạ cốt nền:.....tháng, kể từ ngày ký văn bản chấp thuận.

Lý do xin san gạt mặt bằng, hạ cốt nền:

(Tên tổ chức, cá nhân) ⁽¹⁾..... cam đoan thực hiện đúng quy định của văn bản được chấp thuận và pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu nộp phạt theo quy định của Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

(cụ thể có phương án khai thác kèm theo)

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): ghi rõ tên tổ chức, cá nhân cần san gạt, hạ cốt nền.

(2): ghi rõ tên công trình, dự án được phép đầu tư.

(3): ghi rõ mục đích sử dụng phần đất dư thừa.

Tài liệu gửi kèm theo:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP SAN GẠT
MẶT BẰNG, HẠ CỐT NỀN

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;

Hộ gia đình/cá nhân

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân (của đại diện chủ hộ cấp ngày; nơi cấp:

Đề nghị được phép san gạt mặt bằng, hạ cốt nền đối với tại khu vực ... thuộc xã..... huyện.....;

Mục đích san gạt mặt bằng, hạ cốt nền:

Diện tích khu vực xin san gạt mặt bằng, hạ cốt nền:.....ha, được xác định trên trích lục thửa đất kèm theo.

Cốt độ cao khu vực cần san gạt mặt bằng, hạ cốt nền:.....

Khối lượng đất dư thừa từ quá trình hạ cốt nền cần chuyên đi: m³.

Địa điểm vận chuyển phần đất dư thừa:.....

(kèm theo Hợp đồng kinh tế với tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đắp nền công trình tại vị trí, địa điểm đổ đất).

Tuyến đường vận chuyển phần đất dư thừa:.....

Mục đích sử dụng đất dư thừa:

Thời hạn xin san gạt mặt bằng, hạ cốt nền:.....tháng, kể từ ngày ký văn bản chấp thuận.

(Tên hộ gia đình/cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của văn bản được chấp thuận và pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu nộp phạt theo quy định tại Điều 33 của Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Đại diện hộ gia đình, cá nhân làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên,)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ

.....
.....
.....